

THÔNG TƯ

Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mới (sau đây gọi là Bảng giá) là:

a) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (gồm cả xe máy điện), các loại xe tương tự và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của các loại xe này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (gọi chung là xe máy);

b) Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của các loại xe này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (gọi chung là ô tô).

2. Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng, giá tính lệ phí trước bạ được thực hiện theo Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lệ phí trước bạ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có ô tô, xe máy thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ô tô, xe máy trong nước; Doanh nghiệp kinh doanh ô tô, xe máy nhập khẩu.

3. Cơ quan thuế các cấp và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy tại Bảng giá là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường theo quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản khác tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính Phủ về lệ phí trước bạ để làm căn cứ xây dựng giá tính lệ phí trước bạ.

2. Giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá được xác định trong số các chỉ tiêu về nhãn hiệu, số loại hoặc tên thương mại, thể tích làm việc hoặc khối lượng (trọng tải) hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông, số người cho phép chở (kể cả lái xe), nước sản xuất của ô tô, xe máy trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp.

Điều 4. Nguồn thông tin phục vụ xây dựng Bảng giá

1. Đối với ô tô, xe máy sản xuất lắp ráp trong nước

- a) Thông báo giá bán của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ô tô, xe máy;
- b) Thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá;
- c) Thông tin giá cập nhật trên hệ thống quản lý lệ phí trước bạ của cơ quan thuế;

2. Đối với ô tô, xe máy nhập khẩu

- a) Thông báo giá bán của doanh nghiệp kinh doanh ô tô, xe máy nhập khẩu;
- b) Thông tin về trị giá tính thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng của ô tô, xe máy nhập khẩu do cơ quan hải quan cung cấp;
- c) Thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá;
- d) Thông tin giá cập nhật trên hệ thống quản lý lệ phí trước bạ của cơ quan thuế;

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Bảng giá

1. Bảng giá được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp phát sinh ô tô, xe máy chưa được quy định tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành hoặc giá chuyển nhượng thực tế của ô tô, xe máy đã quy định tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành có tăng hoặc giảm 20% trở lên.

2. Khi tiếp nhận thông tin về ô tô, xe máy chưa được quy định tại Bảng giá hoặc giá chuyển nhượng thực tế của ô tô, xe máy có thay đổi so với Bảng giá, Tổng cục Thuế căn cứ nguồn thông tin quy định tại Điều 4 Thông tư này và mặt bằng giá của ô tô, xe máy với các giao dịch phổ biến để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Bảng giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

Điều 6. Áp dụng Bảng giá

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy được quy định tại Bảng giá ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp giá chuyển nhượng ô tô, xe máy thực tế trên thị trường thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ là giá theo Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành đang có hiệu lực áp dụng.

2. Trường hợp tại thời điểm nộp đủ hồ sơ khai lệ phí trước bạ, giá chuyên nhượng thực tế ô tô, xe máy trên thị trường tăng 20% trở lên so với Bảng giá hiện hành đang áp dụng hoặc giá tính lệ phí trước bạ chưa được quy định trong Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành, cơ quan Thuế căn cứ giá tính lệ phí trước bạ của các loại ô tô, xe máy đã có tại Bảng giá và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để xác định giá tính lệ phí trước bạ theo qui định. Trường hợp các loại ô tô, xe máy chưa được quy định trong Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành, Cục Thuế thông báo cho các Chi cục Thuế giá tính lệ phí trước bạ áp dụng thống nhất trên địa bàn.

Trong thời hạn ba ngày (03) ngày làm việc kể từ thời điểm ô tô, xe máy được đăng ký trước bạ, Cục thuế tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Thuế các trường hợp tại thời điểm nộp đủ hồ sơ khai lệ phí trước bạ, giá tính lệ phí trước bạ ô tô, xe máy chưa được quy định trong Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành hoặc giá biến động tăng, giảm 20% trở lên so với Bảng giá hiện hành đang áp dụng phát sinh trên địa bàn và hồ sơ, tài liệu liên quan nếu có.

Định kỳ, Tổng cục Thuế báo cáo trình Bộ Tài chính ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung điều chỉnh Bảng giá đối với các trường hợp phát sinh ô tô, xe máy mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ giá tính lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá hoặc giá ô tô, xe máy chuyên nhượng thực tế biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên so với giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá để xử lý theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng đối với ô tô, xe máy khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền từ ngày 01/01/2017.

2. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm xây dựng Bảng giá lệ phí trước bạ, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu về giá tính lệ phí trước bạ.

b) Tổng cục Thuế có trách nhiệm cập nhật, bổ sung giá các loại ô tô, xe máy phát sinh mới hoặc có điều chỉnh giá tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành vào Cơ sở dữ liệu giá tính lệ phí trước bạ ô tô, xe máy.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng đối với hồ sơ khai lệ phí trước bạ được nộp cho cơ quan thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận: *an*

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính, Cục Quản lý công sản;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN). *48*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

